TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA VÌ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **291** /2022/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 6 năm 2022

"*V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị PH Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đại Huy

Bà Phùng Thị Vinh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Quyển – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Bà Đào Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 320/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 về "Tranh chấp hôn nhân ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐXX - ST ngày 25 tháng 5 năm 2022 , theo Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2022/QĐHPT ngày 10/6/2022 , Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 05/2022/QĐ – TA ngày 16/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1981 (*Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, AM, phường TH, ST, TP. Hà Nội

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1980 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn NA, Xã CT, huyện BV, TP. Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn H1 kết hôn vào ngày 13/11/2002, đăng ký tại UBND xã CT, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Việc kết hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau ngay tại gia đình nhà anh H1 tại xã CT, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2004 chị H sinh con đầu lòng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H1 ham chơi, không quan tâm, không trách nhiệm, tình cảm với vợ con, gia đình, không có tiếng nói chung, tình cảm rạn nứt nên đến năm 2006 thì chị H đem con về nhà mẹ đẻ ở ST sinh sống. Chị H, anh H1 sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng từ năm 2006 đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng với anh H1 không còn, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, mâu thuẫn không thể hàn gắn, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh H1.

Về con chung: Chị và anh H1 có 01 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 24/4/2004. Hiện cháu T đã trưởng thành, không có nhược điểm gì về thể chất và tinh thần nên chị H không có quan điểm gì về con chung.

Về tài sản chung, công sức, công nợ chung : Chị khẳng định chị và anh H1 không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H1*:* Từ khi Tòa án thụ lý vụ án, đã gửi Thông báo thụ lý vụ án và rất nhiều lần triệu tập anh H1 đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng anh H1 không đến nên không ghi được lời khai thể hiện quan điểm của bị đơn.

Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ, bà Hoàng Thị V (mẹ đẻ anh H1) trình bày: Chị H trình bày về thời gian kết hôn, nơi chung sống là đúng. Sau khi kết hôn một thời gian thì chị H, anh H1 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm, không hợp tính cách, không tìm thấy tiếng nói chung. Chị H về nhà mẹ đẻ sinh sống từ năm 2006 đến nay. Anh chị ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh H1, bà không có ý kiến gì, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung như chị H trình bày. Bà không có quan điểm gì.

Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự nhưng không tiến hành hòa giải được vì anh H1 vắng mặt không lý do, Tòa án cũng đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh H1.

Tại phiên tòa:

- Chị H có đơn đề nghị xin được xét xử vắng mặt.

- Anh H1 vắng mặt tại phiên tòa.

*** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa**:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị căn cứ các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Xử: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn anh H1; Về con chung: có 01 con chung. Hiện cháu T đã trưởng thành, không có nhược điểm gì về thể chất và tinh thần nên không xem xét. Về tài sản chung tài sản riêng , công sức, công nợ: Không xem xét. Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện và các tài liệu gửi kèm vụ án hôn nhân gia đình về việc chị Phạm Thị H có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn H1, thuộc tranh chấp hôn nhân gia đình, anh H1 là bị đơn có nơi cư trú tại xã CT, huyện Ba Vì, Hà Nội. Theo quy định tại Điều 28, Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh H1 vắng mặt nên tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh H1 và đã thông báo kết quả phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh H1 theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

Anh H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Chị H có đơn đề nghị xin được xét xử vắng mặt. Để đảm bảo thời hạn xét xử và quyền lợi chính đáng của đương sự, HĐXX mở phiên tòa xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Chị H và anh H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/11/2002 tại UBND xã CT là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong quá trình chung sống, không

có sự chia sẻ trong cuộc sống, mâu thuẫn kéo dài. Chị H đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ năm 2006, vợ chồng sống ly thân cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ đó cho đến nay. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn với anh H1. Quá trình giải quyết, anh H1 cố tình không đến Tòa án làm việc, gây khó khăn cho việc giải quyết, không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H1 đã trầm trọng, thời gian anh chị sống ly thân đã rất lâu, tại thời điểm giải quyết ly hôn là 08 năm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, HĐXX xét thấy có căn cứ chấp nhận việc cho chị H được ly hôn anh H1 theo Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Xác định chị H và anh H1 có 01 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 24/4/2004. Hiện cháu T đã trưởng thành, không có nhược điểm gì về thể chất và tinh thần nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ chung: Chị H khẳng định vợ chồng không có, anh H1 chưa có lời khai thể hiện quan điểm nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQUH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Xử**:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị H đối với anh Nguyễn Văn H1. Cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn H1.

2. Về con chung: có 01 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 24/4/2004. Hiện cháu T đã trưởng thành, không có nhược điểm gì về thể chất và tinh thần.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ chung : Không xem xét.

4. Án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0059779 ngày 26/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

5. Quyền kháng cáo: Chị H, anh H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND TP Hà Nội;*
- *VKSND huyện;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *UBND xã CT;*
- *THA dân sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Thị Phương Lan